

# TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU VÀ THIỀN TRÚC LÂM Ở TUYÊN QUANG VỚI VIỆC PHÁT HUY GIÁ TRỊ TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP ĐA VĂN HÓA

DƯƠNG THỊ THU HÀ\*

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh hội nhập đa văn hóa, việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống là nhiệm vụ quan trọng, đặc biệt tại Tuyên Quang - vùng đất giàu bản sắc, trong đó có tín ngưỡng thờ Mẫu và Thiền Trúc Lâm. Hai giá trị này không chỉ mang ý nghĩa tôn giáo mà còn là nền tảng tinh thần và văn hóa của cộng đồng. Bài viết tập trung làm rõ vai trò và phương thức phát huy giá trị của tín ngưỡng thờ Mẫu và Thiền Trúc Lâm trong đời sống văn hóa Tuyên Quang hiện nay.

**Từ khóa:** tín ngưỡng thờ Mẫu, Thiền Trúc Lâm, Tuyên Quang, phát huy giá trị, hội nhập đa văn hóa

**Abstract:** In the context of multicultural integration, the preservation and promotion of traditional cultural values constitute an essential undertaking, particularly in Tuyên Quang, a land rich in cultural identity, where the worship of the Mother Goddess and the Trúc Lâm Zen tradition play a prominent role. These two value systems are not only religious practices but also serve as vital spiritual and cultural foundations for local communities. This article elucidates the roles and mechanisms through which the Mother Goddess worship and Trúc Lâm Zen heritage can be effectively promoted within the contemporary cultural life of Tuyên Quang.

**Keywords:** Mother Goddess worship, Trúc Lâm Zen, Tuyên Quang, cultural value promotion, multicultural integration.

## 1. Đặt vấn đề

Tuyên Quang là vùng đất giàu bản sắc văn hóa, nơi giao thoa của nhiều dân tộc và tín ngưỡng khác nhau. Đời sống tâm linh nơi đây phản ánh rõ sự hòa quyện giữa tôn giáo và tín ngưỡng bản địa, đặc biệt qua hai thực hành tiêu biểu: tín ngưỡng thờ Mẫu và Thiền Trúc Lâm. Trong bối cảnh hội nhập đa văn hóa, việc phát huy giá trị của hai truyền thống này không chỉ góp phần bảo tồn bản sắc dân tộc mà còn thúc đẩy sự gắn kết cộng đồng và phát triển văn hóa bền vững.

## 2. Khái niệm và thuật ngữ

### Tín ngưỡng thờ Mẫu

“Tín ngưỡng” được lý giải dưới nhiều góc độ khác nhau. Theo *Từ điển Tiếng Việt*: “tín ngưỡng là tin theo một tôn giáo nào đó” (1). *Từ điển Hán - Việt* của Đào Duy Anh cho rằng: “Tín ngưỡng là lòng ngưỡng mộ mê tín đối với một tôn giáo hay một chủ nghĩa” (2). Theo Ngô Đức Thịnh: “Tín ngưỡng được hiểu là niềm tin của con người vào cái gì đó thiêng

liêng, cao cả, siêu nhiên, hay nói gọn là niềm tin ngưỡng vọng vào cái “thiên liêng”, đối lập với cái trần tục hiện hữu mà ta có thể sờ mó, quan sát được” (3). Còn *Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo* xác định: “Tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống nhằm mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng”.

“Mẫu” là từ Hán - Việt, tương ứng với “Mẹ” trong tiếng Việt. Trong hệ thống tín ngưỡng đa thần Việt Nam, Mẫu ở vị thế thượng đẳng, được tôn xưng là Thánh Mẫu - biểu tượng của lòng nhân từ, linh thiêng và năng lực sáng tạo. Tín ngưỡng thờ Mẫu thể hiện niềm tin của con người vào quyền năng của Mẹ - đáng sáng tạo và che chở, mang lại hạnh phúc, an lành và trừ khử điều ác như Mẫu Thiên, Mẫu Địa, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải, Mẫu Liễu Hạnh, Mẫu Thiên Yana... Đây là hình thức tôn vinh những người phụ nữ có công với nước, với dân, được cộng đồng thiêng hóa, gửi gắm niềm tin về sự che chở và phù hộ.

*Không gian thiêng*

Theo Ngô Đức Thịnh, “tín ngưỡng là niềm tin của con người vào cái gì đó thiêng liêng, cao cả, siêu nhiên, đối lập với cái trần tục” (4). Phạm Quỳnh Phương định nghĩa: “Di tích thờ thần linh là không gian thiêng, nơi con người giao tiếp với thế lực siêu nhiên” (5). Không gian thiêng được hiểu là môi trường tinh thần nơi con người kết nối với thế giới vô hình, đồng thời khẳng định ký ức và bản sắc cộng đồng. Ở Tuyên Quang, các đền thờ Mẫu, chùa và thiền viện là những không gian thiêng tiêu biểu, nơi vừa diễn ra hoạt động tín ngưỡng, vừa là điểm tựa tinh thần, phản ánh sự cố kết cộng đồng trong đời sống tâm linh.

*Thiền Trúc Lâm*

Thiền phái Trúc Lâm, dòng thiền thuần Việt do Phật Hoàng Trần Nhân Tông sáng lập, là dấu mốc lớn trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Trước đó, nước ta từng tiếp nhận ba dòng thiền ngoại lai: Tì Ni Đa Lur Chi (580), Vô Ngôn Thông (820) và Thảo Đường (1069). Sự ra đời của Thiền Trúc Lâm đã chuyên Phật giáo Việt Nam từ quỹ đạo du nhập sang bản địa hóa, do người Việt sáng lập và phát triển (6). Hiện nay, Hòa thượng Thích Thanh Từ có công lớn trong việc phục hưng và mở rộng hệ thống thiền viện Trúc Lâm trên cả nước, khẳng định tinh thần “cư trần lạc đạo”, gắn đạo với đời, đưa thiền hòa nhịp cùng xã hội đương đại.

*Hội nhập đa văn hóa*

Hội nhập đa văn hóa là quá trình các cộng đồng và nền văn hóa khác nhau cùng chung sống, giao lưu và học hỏi, vừa giữ gìn bản sắc riêng, vừa tôn trọng và tiếp thu giá trị của nhau. Trong bối cảnh này, tín ngưỡng thờ Mẫu và Thiền Trúc Lâm là hai trụ cột tinh thần quan trọng, thể hiện quá trình tiếp biến và dung hợp hài hòa giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian trong dòng chảy hội nhập đương đại.

**3. Lịch sử nghiên cứu vấn đề**

Các công trình nghiên cứu có thể chia thành ba nhóm chính:

*Nhóm công trình nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Mẫu*

Ngô Đức Thịnh trong *Đạo Mẫu ở Việt Nam*, đề cập nguồn gốc, ý nghĩa, nhân vật và nghi thức thực hành Đạo Mẫu; *Về tín ngưỡng lễ hội cổ truyền* ông phân tích tín ngưỡng thờ Mẫu và nghi lễ Shaman của người Việt, Chăm, Tày, Nùng. Hà Văn Tấn trong *Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam* cho rằng các thần nông nghiệp được Phật hóa thành Phật Bà. Nguyễn Minh San trong *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam* thì nhấn mạnh khả năng tiếp biến linh hoạt của người Việt, vừa bảo lưu vừa hấp thụ yếu tố tôn giáo ngoại lai.

Bùi Quang Hùng trong bài *Mối quan hệ và sự ảnh hưởng qua lại giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ* trích trong *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam Bộ* chỉ ra sự dung hợp giữa hai hệ tín ngưỡng, thể hiện qua hiện tượng phối thờ Phật trong đền Mẫu và Mẫu trong chùa; đồng thời chỉ ra yếu tố Phật giáo ảnh hưởng sâu trong truyền thuyết Mẫu Liễu Hạnh. Phan Thị Thu Hiền trong bài *Sự hợp hôn của Phật giáo với tín ngưỡng thờ Mẫu (Qua truyền thuyết Man Nương của Việt Nam và Vu Ca Tanggeum Aegi của Korea)* đăng trên Tạp chí *Phát triển kinh tế xã hội Đà Nẵng* cho thấy điểm tương đồng trong sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng bản địa.

*Nhóm công trình về Thiền Trúc Lâm*

*Đại Việt sử ký toàn thư* và *Thiền uyển tập anh* là những tư liệu cổ quan trọng ghi chép lịch sử Phật giáo và các vị cao tăng Việt Nam. Nguyễn Hùng Hậu trong *Đại cương triết học Phật giáo Việt Nam* đã khẳng định sự kết hợp giữa Thiền, Tịnh, Mật với tín ngưỡng dân gian là nét đặc trưng của Phật giáo Việt Nam. Lê Mạnh Thát với *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* đề cập toàn diện lịch sử, tư tưởng và đời sống văn hóa Phật giáo. Thích Thanh Đạt trong luận án *Thiền phái Trúc Lâm thời Trần* trình bày quá trình hình thành và phát triển của Thiền phái.

Thích Thanh Từ, người phục hưng dòng Thiền Trúc Lâm hiện đại, có nhiều tác phẩm như *Thiền sư Việt Nam*, *Tam tổ Trúc Lâm giảng giải*, *Ba vấn đề trọng đại trong đời tu của tôi* và *Thiền tông Việt Nam trên con đường phục hưng và hoàng hóa*.

*Nhóm công trình về Tuyên Quang và hội nhập đa văn hóa*

Tác phẩm *Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Tuyên Quang* khái quát hệ thống di sản văn hóa của tỉnh. Phí Văn Chiến trong *Thời Trần - Đạo Phật phát triển cực thịnh ở Tuyên Quang* nêu rõ vị thế của Phật giáo vùng núi. Một số công trình như *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nguyễn Văn Kim - Nguyễn Mạnh Dũng *Tiếp biến và hội nhập văn hóa ở Việt Nam hiện nay* bàn về ảnh hưởng toàn cầu hóa với đời sống tôn giáo và văn hóa.

Tổng quan cho thấy rất ít nghiên cứu tiếp cận hai dòng thực hành này trong cùng một không gian địa phương như Tuyên Quang - nơi hội tụ nhiều cộng đồng tộc người. Khoảng trống này đặt ra câu hỏi: làm thế nào tín ngưỡng thờ Mẫu, biểu tượng của quyền năng nữ tính, và Thiền Trúc Lâm, biểu hiện của tinh thần Phật giáo nhập thế, có thể cùng được địa phương hóa và phát huy như nguồn lực văn hóa - xã hội trong thời kỳ hội nhập? Bài viết này hướng trực tiếp vào khoảng trống đó.

#### 4. Tín ngưỡng thờ Mẫu và Thiên Trúc Lâm ở Tuyên Quang

##### *Lịch sử hình thành và phát triển*

Tín ngưỡng thờ Mẫu có cội nguồn từ việc tôn thờ các vị Thánh Mẫu: Mẫu Thoải (nước), Mẫu Thượng Ngàn (núi rừng), Mẫu Liễu Hạnh (phúc - lộc - tài), Mẫu Sơn Trang, cùng nhiều chân dung nữ thần được địa phương hóa. Trong tâm thức cư dân Tuyên Quang, các Thánh Mẫu gắn với ba lớp ý nghĩa thiêng liêng: cội nguồn sự sống, bảo chứng giống nòi và lời hứa về hạnh phúc, an lạc cho cộng đồng. Tín ngưỡng thờ Mẫu không lặp lại hoàn toàn mô thức vùng đồng bằng Bắc Bộ, mà “chỉnh hợp” với truyền thuyết, lịch sử và ký ức dân tộc thiểu số. Hệ thống đền phủ như Thác Cái, Bắc Mực, Thác Cắm, Đàm Hồng, Hiệp Thuận, đền Thượng, đền Ý La, Thiềm Cung đều gắn với thần tích bản địa, tạo nên một bản đồ thiêng mang sắc thái vùng cao.

Tục thờ Mẫu Thoải là lớp cổ xưa nhất của tín ngưỡng thờ Mẫu, phản ánh nhận thức coi nước là mẹ sự sống. Nhiều đền thờ Mẫu được lập ven sông suối, đầu nguồn nước sinh hoạt; đến dịp giáp Tết, người dân còn dán giấy đỏ lên các gốc cây rừng và thắp hương tạ ơn “mẹ nước”. Truyền thuyết kể rằng Kim Xuyên, hoàng tử lấy con gái Long Vương, đã phụ bạc vợ và giam nàng trong rừng sâu; nàng được muông thú cứu sống và trở về thủy cung, rồi hóa Mẫu Thoải, được lập miếu thờ ở Đàm Hồng. Không gian lưu giữ đạo lý ân nghĩa với tự nhiên và trách nhiệm cộng đồng đối với nguồn nước, nguồn sống.

Cùng với đó là lớp biểu tượng Mẫu. Bà Thánh Long Mẫu ở đền Thác Cái là mẹ sinh ra Lạc Long Quân, thủy tổ người Việt. Đền Bắc Mực thờ đồng thời Trần Hưng Đạo và Mẫu Âu Cơ, đan lồng tín ngưỡng lịch sử với huyền thoại nguồn gốc dân tộc. Một trục ý nghĩa khác là Mẫu “giúp nước trợ dân”, gắn với các đền Hiệp Thuận, Ý La, Thượng. Hai công chúa thời Hùng Vương là Ngọc Lân (Mai Hoa công chúa) và Phương Dung (Quỳnh Hoa công chúa), biến thân linh thiêng sau khi mất tích trong cơn bão tố; dân lập đền phụng thờ như những vị hộ quốc an dân. Lễ hội rước Mẫu tại đền Hạ, đền Thượng, đền Ý La đã hình thành từ lâu đời và hiện vẫn được duy trì như một nghi thức cộng đồng quy mô, trong đó tượng Mẫu từ đền Ý La và đền Thượng được rước về đền Hạ vào ngày 12-2 âm lịch hằng năm để “gặp nhau”, khẳng định mối liên kết linh thiêng giữa các trung tâm thờ tự (7). Lễ hội này, ngoài giá trị tâm linh, còn là một diễn ngôn tập thể về cội nguồn, chính danh và bảo trợ siêu nhiên cho trật tự xã hội.

Đền Thượng có khu thờ Phật tại Điện Sâm Sơn, được ghi nhận trong văn bia Sâm Sơn Phật tự bi ký. Điều này minh chứng cho sự giao thoa giữa thờ Mẫu và thờ Phật, phản ánh cơ chế “tiếp biến văn hóa”, nơi yếu tố Phật giáo được nội sinh hóa trong thờ Mẫu và ngược lại. Theo logic của lý thuyết giao lưu, tiếp biến và lý thuyết biến đổi văn hóa, đây không chỉ là vay mượn biểu tượng, mà còn là quá trình dung hợp và tái định nghĩa ý nghĩa linh thiêng, làm cho các điện thần trở thành không gian thờ tự đa tầng: vừa Mẫu, vừa Phật, vừa các công chúa thần hóa, vừa các anh hùng lịch sử. Hiện tượng này tương đối phổ biến trong sinh hoạt tín ngưỡng thờ Mẫu ở Tuyên Quang và cho thấy khả năng thích ứng tôn giáo rất cao ở địa phương. Bên cạnh các trung tâm có tính lịch sử, huyền thoại, đền Mỏ Than trên núi Thái Sơn thờ Mẫu Thượng Ngàn và Cô Bé Mỏ Than, gắn với sự kiện sập mỏ than thời Pháp năm 1924; sau biến cố, dân địa phương lập đền thờ để tưởng niệm và cầu an. Đền Pác Tạ thờ người thiếp của tướng Trần Nhật Duật, mất khi đi kinh lý, sau đó hiển linh độ thế nên được tôn thờ. Các đền này cho thấy tín ngưỡng thờ Mẫu vừa bảo tồn lớp ký ức xa xưa, vừa hấp thụ và thiêng hóa ký ức cận đại. Bằng cách đó, tín ngưỡng Mẫu ở Tuyên Quang vận hành như một “kho năng lượng đạo đức” của cộng đồng, duy trì niềm tin vào sự bảo trợ siêu nhiên và công lý thiêng (8).

Cùng tồn tại, Thiên Trúc Lâm là một mạch tu tập Phật giáo mang chất Việt rõ rệt. Thiên Trúc Lâm vốn hình thành từ thời Trần như một dòng thiền “nội sinh hóa”, trong đó Phật giáo được kết nối với đạo trị quốc, đạo làm người, đạo hộ quốc an dân. Thiên Trúc Lâm khẳng định tư tưởng “hòa quang đồng trần”, tu ngay trong đời sống thế tục, coi giác ngộ không phải là thoát ly mà là chuyển hóa. Đến TK XX-XXI, truyền thống này được phục hưng mạnh mẽ, đặc biệt qua công hạnh của Hòa thượng Thích Thanh Từ. Hòa thượng đã khôi phục tư tưởng Thiên tông Việt Nam, mở các khóa thiền, giảng pháp, đào tạo tăng ni và kiến lập mạng lưới thiền viện trong và ngoài nước, đưa Thiên Trúc Lâm từ phạm vi lịch sử trở thành sinh hoạt tâm linh sống động trong xã hội đương đại.

Tuyên Quang là vùng đất có tiếp xúc sớm với Phật giáo. Văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc ghi nhận sự hiện diện của chùa thờ Phật từ đầu TK XII (1107). Điều đáng chú ý là trong không gian tín ngưỡng của vùng này, chùa, đình, miếu thường thờ song song Phật và Thần. Các cuộc khảo cổ đã phát hiện dấu tích nhiều chùa cổ như Bảo Ninh Sùng Phúc, Hương Nghiêm, An Vinh, Phật Lâm, Xuân

Lôi, Linh Thông, Thái Hòa, Thiện Kế... chùa Nhữ Hán, xây dựng thời Trần (TK XIII-XIV), với quy mô hơn 2.000 m<sup>2</sup>, kiến trúc bề thế và nhiều di vật quý, từng là một trung tâm Phật giáo lớn của khu vực (9). Các dấu tích tại chùa Phúc Lâm, Bình Lâm, Sùng Khánh với tháp đá, chuông đồng, bình gốm, bia ký niên hiệu Trần... cho thấy Phật giáo thời Trần ở Tuyên Quang không chỉ là hoạt động tôn giáo, mà còn là công cụ hòa giải, đoàn kết, ổn định vùng biên, nơi sinh sống của nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số.

Năm 2019, Thiền viện Trúc Lâm Chính pháp Tuyên Quang được khởi dựng. Thiền viện gồm 5 hạng mục chính, trọng tâm là tòa Tam Bảo 3 tầng: tầng giảng đường, tầng thiền đường và sân lễ lộ thiên. Không gian này vừa là nơi thờ Phật và chư Tổ, vừa là trung tâm giáo hóa, lưu trữ và truyền dạy giáo pháp Trúc Lâm. Thiền viện không chỉ dành cho nội bộ tăng ni, mà mở ra cho cư sĩ, thanh thiếu niên, người dân địa phương thông qua các khóa tu mùa hè, lễ Hằng Thuận, các buổi thiền tập cộng đồng. Như vậy, thiền viện không chỉ là một cơ sở tôn giáo; nó trở thành một thiết chế văn hóa - xã hội, nơi người dân tìm sự an tĩnh tinh thần, học đạo lý sống thiện và tái lập cân bằng nội tâm giữa đời sống hiện đại nhiều biến động.

#### *Đặc điểm của tín ngưỡng thờ Mẫu và Thiền Trúc Lâm*

Cả hai truyền thống: thờ Mẫu và Thiền Trúc Lâm đều tạo dựng “không gian thiêng” như những trục quy chiếu của đời sống tinh thần địa phương. Trong tín ngưỡng thờ Mẫu, đền phủ không chỉ là nơi thờ tự mà còn là sân khấu nghi lễ với hát văn, hầu bóng, tế lễ, rước kiệu, nơi nghệ thuật trình diễn truyền thống hòa cùng nghi lễ cầu an, cầu lộc, cầu duyên. Những nghi lễ này định hình một ngôn ngữ cộng cảm, nơi người tham dự không phải khán giả thụ động mà là người đồng kiến tạo thế giới thiêng. Điều đó lý giải tại sao tín ngưỡng thờ Mẫu có sức hấp dẫn liên tục đối với nhiều tầng lớp xã hội, từ cư dân địa phương đến khách thập phương.

Điểm đáng nói là sự lồng ghép, thậm chí đan quyện, giữa thờ Mẫu và thờ Phật trong cùng không gian. Đền thờ Mẫu có ban thờ Phật; chùa thờ Phật lại có điện thờ Thánh Mẫu. Đây là kết quả của tiến trình tiếp biến lâu dài, trong đó các cộng đồng bản địa lựa chọn, mượn dùng và tái định nghĩa biểu tượng tôn giáo để phù hợp với cấu trúc tâm linh, xã hội của mình. Tính linh hoạt ấy cũng tạo điều kiện để tín ngưỡng thờ Mẫu duy trì sức sống trong môi trường văn hóa đa tộc người như Tuyên Quang, nơi mỗi cộng đồng có lịch sử riêng với rừng, sông, đất, tổ tiên và ký ức kháng chiến.

Thiền Trúc Lâm mang một sắc thái khác nhưng không tách rời đời sống cộng đồng. Thay vì chỉ

nhấn mạnh sự tu tập cá nhân, Thiền viện Trúc Lâm Chính Pháp hiện diện như một “không gian tĩnh tại công cộng”, nơi mọi người không phân biệt tuổi tác, nghề nghiệp, tộc người có thể tìm đến để lắng lại, thiền tập, nghe pháp và học những giá trị đạo đức căn bản như lục hòa, thập thiện. Việc kiến lập thiền viện ở một tỉnh miền núi như Tuyên Quang vì thế không chỉ là mở thêm một cơ sở Phật giáo, mà còn là khẳng định rằng đời sống tâm linh bản địa có thể bước vào hiện đại mà không đánh mất chiều sâu nội tâm.

Ở đây xuất hiện một điểm giao thoa thú vị: cả tín ngưỡng thờ Mẫu và Thiền Trúc Lâm đều định nghĩa lại mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên. Đền thờ Mẫu thường đặt ở nơi “long mạch” của địa hình ven sông, chân núi, rừng thiêng. Thiền viện Trúc Lâm được xây dựng tại vùng đồi núi thoáng đạt, để người tu tập trực tiếp cảm nhận hơi thở của rừng, suối, gió. Cả hai đều khẳng định thiên nhiên không chỉ là bối cảnh vật chất, mà là chủ thể linh thiêng, là đối tượng tri ân, là nguồn dưỡng tâm. Điều này phù hợp với quan niệm vạn vật hữu linh trong tín ngưỡng bản địa và với tinh thần “tâm tĩnh - cảnh tĩnh” của Thiền.

#### *Vai trò trong hội nhập đa văn hóa*

*Thứ nhất*, củng cố sự cố kết cộng đồng: các lễ rước Mẫu, kỳ hội đền, khóa tu mùa hè, buổi thiền đại chúng không chỉ là hoạt động tôn giáo, mà là dịp gặp gỡ, chia sẻ, tái khẳng định tình làng nghĩa xóm. Nghi lễ trở thành một hình thức giáo dục cộng đồng, qua đó duy trì cảm thức “chúng ta” trong một xã hội đang đô thị hóa nhanh.

*Thứ hai*, tạo điểm tựa tinh thần trong bối cảnh biến động xã hội, kinh tế: việc thực hành tín ngưỡng Mẫu (cầu an, giải hạn, cầu phúc) hay tham gia thiền tập (tĩnh tâm, soi chiếu bản thân, tu dưỡng đạo đức) giúp cá nhân tìm lại sự thăng bằng nội tâm, cảm giác an trú. Ở cấp độ cộng đồng, điều đó góp phần giảm xung đột, củng cố trật tự đạo lý.

*Thứ ba*, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương: hát văn, múa hầu đồng, nghi lễ rước kiệu, thuyết tích Thánh Mẫu...; hay các nghi thức thiền tập, tụng kinh, thuyết pháp về sống thiện, sống có trách nhiệm với tự nhiên. Tín ngưỡng và thiền không chỉ là tôn giáo; chúng là phương thức truyền dạy văn hóa.

*Thứ tư*, mở ra năng lực đối thoại văn hóa trong thời kỳ phát triển du lịch văn hóa - tâm linh: tín ngưỡng thờ Mẫu và Thiền Trúc Lâm, có thể trở thành điểm hội tụ giữa bảo tồn và phát triển. Tuy nhiên, điều kiện tiên quyết là phải nhìn nhận các không gian thiêng này không đơn thuần như sản

phẩm du lịch hay “tài nguyên lễ hội”, mà như các trường nghĩa đạo đức, nơi cộng đồng địa phương có vai trò chủ thể và khách hành hương, du khách tham dự bằng thái độ kính trọng.

### 5. Phát huy giá trị tín ngưỡng thờ Mẫu và Thiên Trúc Lâm

*Thứ nhất*, giáo dục văn hóa tâm linh cần được đặt ở vị trí trung tâm. Việc nâng cao nhận thức cho thanh thiếu niên, cư dân địa phương, Phật tử, thanh đồng, cung văn... về ý nghĩa nhân văn của tín ngưỡng thờ Mẫu và Thiên Trúc Lâm là điều kiện tiên quyết. Tuyên truyền ở đây không chỉ là phổ biến kiến thức lịch sử, mà là tạo ra sự thấu hiểu: tín ngưỡng thờ Mẫu nuôi dưỡng ý thức tri ân, che chở cộng đồng; Thiên Trúc Lâm bồi dưỡng chánh niệm, tự điều chỉnh thân tâm. Có thể triển khai các buổi nói chuyện chuyên đề tại nhà văn hóa xã/ phường, khóa tu mùa hè cho thanh thiếu niên ở thiền viện, sinh hoạt cộng đồng tại đền, phủ gắn với thực hành văn hóa đúng chuẩn.

*Thứ hai*, chính sách văn hóa phải tiếp cận theo tinh thần đa văn hóa. Tuyên Quang là không gian cùng chung sống của nhiều tộc người, nhiều lớp tín ngưỡng. Các chính sách phát triển kinh tế, du lịch, giáo dục, an sinh không thể chỉ nhìn tín ngưỡng thờ Mẫu hay Thiên như “tài nguyên du lịch”, mà phải coi đó là nền tảng gắn kết cộng đồng, theo hướng tôn trọng nguyện vọng cộng đồng sở tại; thiết lập các “không gian văn hóa mở”, nơi sinh hoạt nghi lễ, truyền dạy hát văn, hầu đồng, thiền định, giảng pháp... đi cùng quy tắc ứng xử, vệ sinh môi trường, bảo tồn kiến trúc. Cần tổ chức ngày hội văn hóa, hội thảo, trình diễn thực hành tín ngưỡng. Như vậy, giao lưu không còn là phô diễn, mà trở thành đối thoại giữa các cộng đồng văn hóa.

*Thứ ba*, phát triển du lịch văn hóa tâm linh theo hướng bền vững. Tuyên Quang có lợi thế xây dựng các tuyến trải nghiệm gắn với lễ rước Mẫu, hệ thống đền Hạ - đền Thượng - đền Ỗ La, cũng như các điểm thiền định và giảng pháp tại Thiền viện Trúc Lâm Chính Pháp, các chùa có dấu ấn thời Trần. Các sản phẩm như hành hương trải nghiệm nghi lễ, du lịch thiền và tĩnh tâm, tìm hiểu kiến trúc, bia ký cổ, học hát văn, hầu đồng, có thể thu hút du khách một cách sâu sắc và văn minh. Nếu người dân địa phương được tham gia trực tiếp với vai trò hướng dẫn viên văn hóa cộng đồng, nghệ nhân trình diễn, tình nguyện viên bảo tồn cảnh quan, họ không chỉ “làm dịch vụ” mà trở thành chủ thể kể lại câu chuyện di sản. Đây là bước chuyển từ khai thác di sản sang đồng quản trị di sản.

*Thứ tư*, bảo tồn và phát huy giá trị của tín ngưỡng thờ Mẫu và Thiên Trúc Lâm không thể tách rời việc xây dựng cộng đồng bền vững. Các khóa tu chánh niệm, sinh hoạt đạo đức cộng đồng, nghi lễ tri ân tổ tiên, thực hành cầu an, cầu quốc thái dân an, đều góp phần ổn định tâm lý xã hội ở cấp cơ sở. Nói cách khác, đây cũng là hạ tầng an sinh tinh thần.

Cuối cùng, cần một cơ chế giám sát, khuyến khích mang tính dài hạn. Xây dựng bộ quy tắc thực hành đúng chuẩn cho từng không gian thiêng; hướng dẫn thống nhất trong nghi lễ và tiếp khách hành hương; đồng thời tôn vinh những tập thể, cá nhân, cơ sở thờ tự giữ gìn chuẩn mực nghi lễ và bảo vệ cảnh quan.

### 6. Kết luận

Tín ngưỡng thờ Mẫu và Thiên Trúc Lâm là hai giá trị tâm linh tiêu biểu của Tuyên Quang, vừa gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần người dân, vừa góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương. Trong bối cảnh hội nhập đa văn hóa, việc phát huy hai di sản này không chỉ giúp kết nối cộng đồng, nuôi dưỡng tinh thần hòa hợp và nhân văn, mà còn mở ra hướng phát triển bền vững cho văn hóa và du lịch tâm linh, góp phần lan tỏa giá trị văn hóa Việt Nam trong thời đại toàn cầu hóa ■

D.T.T.H

#### Tài liệu tham khảo

1. Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr.960.
2. Đào Duy Anh, *Từ điển Hán - Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1919, tr.238.
3. Ngô Đức Thịnh, *Tín ngưỡng và Văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001, tr.16.
4. Ngô Đức Thịnh, *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001, tr.9-11.
5. Nhiều tác giả, *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học* (quyển 2), Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM, TP.HCM, 2010, tr.86.
6. Dương Thị Thu Hà, *Văn hóa Thiền tông trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay*, Nxb Khoa học xã hội, 2019, tr.64-65.
7. *Đền Thờ Cô Bé Mỏ Than (Tuyên Quang)*, chonthieng.com.
8. Trần Mạnh Tiến, *Lược sử Phật giáo Tuyên Quang*, daophatngaynay.com, 22-5-2011.
9. Bảo tàng Tuyên Quang, *Các di tích kiến trúc chùa tháp Lý - Trần tỉnh Tuyên Quang*, 2020, tr.162-163.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 10-11-2025; Ngày phản biện, đánh giá, sửa chữa: 18-11-2025; Ngày duyệt đăng: 29-11-2025.